

## SỞ HỮU TRÍ TUỆ

### Chương 1: Giới thiệu chung về SHTT

TS Lê Thị Thu Hà

LA PROPRIÉTÉ  
INTELLECTUELLE.

#### Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 25 giờ
- Thảo luận: 20 giờ
- Bài tập nhóm: 20 giờ
- SV tự nghiên cứu và làm tiểu luận: 90 giờ
- Tổng số: 45 giờ tín chỉ



Lê Thị Thu Hà - FTU

2

#### Tài liệu tham khảo

- ✓ Cẩm nang Sở hữu trí tuệ - Cục SHTT, 2005
- ✓ Sở hữu trí tuệ - Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế - Cục SHTT, 2005
- ✓ Lợi ích kinh tế xã hội của Sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển - Cục SHTT, 2005
- ✓ Quyền Sở hữu trí tuệ - Lê Nét, NXB ĐH Quốc gia Tp HCM, 2006
- ✓ Luật SHTT Việt Nam, ĐH Luật - NXB Công An
- ✓ Fundamentals of Intellectual Property: cases and materials, **Thomas G Fied**, Franklin Pierce Law Center
- ✓ Các trang web của Cục SHTT, WIPO...



Lê Thị Thu Hà - FTU

3

#### Đề cương môn học

- Chương 1: Tổng quan về SHTT trong TMQT (5h)
- Chương 2: Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh quốc tế (20h)
- Chương 3: Một số vấn đề của SHTT trong thương mại quốc tế (15h)



Lê Thị Thu Hà - FTU

4

#### Nội dung chương 1 / Chapter outline

- 1.1. Khái niệm sở hữu trí tuệ, quyền SHTT
- 1.2. Các đối tượng của quyền SHTT
- 1.3. Sự cần thiết bảo hộ quyền SHTT
- 1.4. Lịch sử phát triển của quyền SHTT
- 1.5. Vai trò của quyền SHTT.
- 1.6. Hệ thống pháp luật về SHTT



Lê Thị Thu Hà - FTU

5

#### Tài liệu đọc thêm chương 1

- Theme in IP, chapter 1
- Maskus, Keith E. and Jerome H. Reichman, "The Globalization of Private Knowledge Goods and the Privatization of Global Public Goods," Journal of International Economic Law, Vol. 7, No. 2, pp. 279-320.
- Mazzoleni R. and Nelson R. "Economic theories about the benefits and costs of patents"
- Frederick M. Abbott, Intellectual Property Rights in World Trade in RESEARCH H ANDBOOK IN INTERNATIONAL ECONOMIC LAW, pages 49-75 (A. Guzman & A. Sykes) (Edward Elgar 2007)



Lê Thị Thu Hà - FTU

6

## Câu hỏi / Discussion



- Tài sản trí tuệ (Intellectual asset)
- Sở hữu trí tuệ (Intellectual property)
- Quyền Sở hữu trí tuệ (Intellectual property rights)
- Bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ (IPR)
- Bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ
- Thực thi quyền Sở hữu trí tuệ (IP enforcement)

Lê Thị Thu Hà - FTU

## Khái niệm / The concept of IP

Sở hữu trí tuệ (IP) đề cập đến những sáng tạo của trí tuệ: sáng chế, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, và các biểu tượng, tên gọi, hình ảnh và kiểu dáng sử dụng trong thương mại.

Intellectual property (IP) refers to creations of the mind: inventions, literary and artistic works, and symbols, names, images, and designs used in commerce

WIPO – What is IP?  
(<http://www.wipo.int/about-ip/en/>)



Lê Thị Thu Hà - FTU

8

## Khái niệm / The concept of IP

Intellectual property, very broadly, means the legal rights which result from intellectual activity in the industrial, scientific, literary and artistic fields.

WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use  
(<http://www.wipo.int/export/sites/www/about-ip/en/iprm/pdf/ch1.pdf>)

Sở hữu trí tuệ, theo nghĩa rộng nhất là các quyền hợp pháp đối với các sáng tạo trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật

-> SHTT = Quyền SHTT (IPR = IP)



Lê Thị Thu Hà - FTU

9

## Khái niệm / The concept of IP

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng

"Intellectual Property rights" means rights of organizations or individuals in intellectual property assets including copyright and rights neighboring on copyright, industrial property rights and rights in plant varieties.

Vietnam IP Law Art 4.1

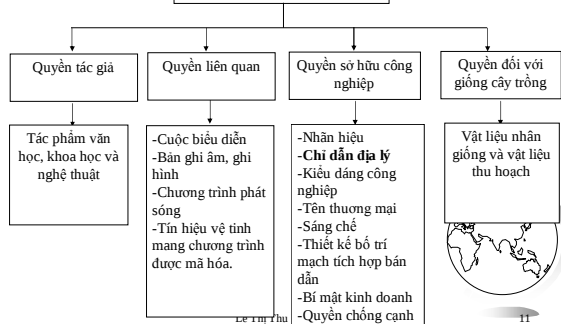


Lê Thị Thu Hà - FTU

10

## Các đối tượng / Types of IP

### QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ



Lê Thị Thu Hà - FTU

11

## Các đối tượng / Types of IP

1. Các tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học;
2. Biểu diễn nghệ thuật, phát thanh, ghi âm, truyền hình;
3. Các sáng chế trong mọi lĩnh vực đời sống
4. Các phát minh khoa học
5. Kiểu dáng công nghiệp
6. Nhân hiệu hàng hoá, nhân hiệu dịch vụ, tên thương mại và các chỉ dẫn
7. Bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạng

(Công ước thành lập WIPO 1967, điều 2)



Lê Thị Thu Hà - FTU

12

Các đối tượng / Types of IP

- Bản quyền và các quyền liên quan
- Nhãn hiệu
- Chỉ dẫn địa lý
- Kiểu dáng công nghiệp
- Sáng chế
- Thiết kế bố trí (topograph) mạch tích hợp
- Bảo hộ thông tin bí mật

(Hiệp định TRIPS)

Lê Thị Thu Hà - FTU

13

Quyền sở hữu trí tuệ / IPR

Sáng tạo trí tuệ

Hoạt động thương mại

Sáng chế

Bố trí mạch tích hợp

Tác phẩm văn học, NT & KH

Nhãn hiệu

Chỉ dẫn địa lý

Kiểu dáng công nghiệp

TÀI SẢN VÔ HÌNH

Được pháp luật bảo vệ

Lê Thị Thu Hà - FTU

14

Đặc điểm / Characteristics of IPR

- Tính lãnh thổ
- Tính phi vật thể
- Tính độc quyền

Lê Thị Thu Hà - FTU

15

Tài sản vô hình

Không nhìn thấy, có giá trị bằng tiền và có thể trao đổi  
 (?) Khác gì so với tài sản hữu hình (Đ164 – BLDS)

Quyền chiếm hữu

Quyền sử dụng

Quyền định đoạt

TÀI SẢN

Lê Thị Thu Hà - FTU

16

Bảo hộ có mục đích: thúc đẩy hoạt động sáng tạo

Bảo hộ chọn lọc: Nhà nước đề ra các tiêu chuẩn bảo hộ dựa trên nguyên tắc cân bằng lợi ích của chủ sở hữu và của cộng đồng

Bảo hộ có điều kiện: không đi ngược lại lợi ích xã hội hoặc ngăn cản sự tiếp cận của các chủ thể khác

Bảo hộ có thời hạn

Độc quyền

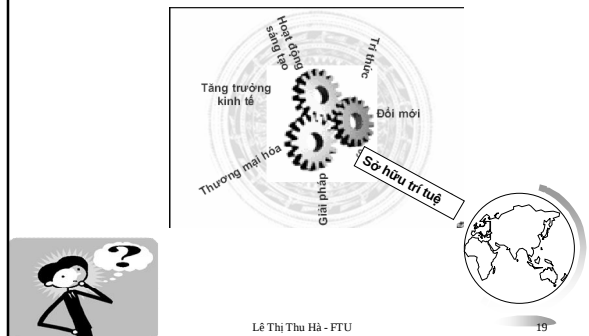
Bản chất / Nature of IPR

- Các đối tượng SHTT chỉ là hình thức thể hiện của sáng tạo trí tuệ chứ không phải là sáng tạo
- Sáng tạo trí tuệ là vô hình nhưng hình thức thể hiện là hữu hình
- Quyền đối với các đối tượng SHTT chứ không phải các đối tượng đó

Lê Thị Thu Hà - FTU

18

## 1.2. Sự cần thiết /Rationale of IPR



## Sự cần thiết /Rationale of IPR

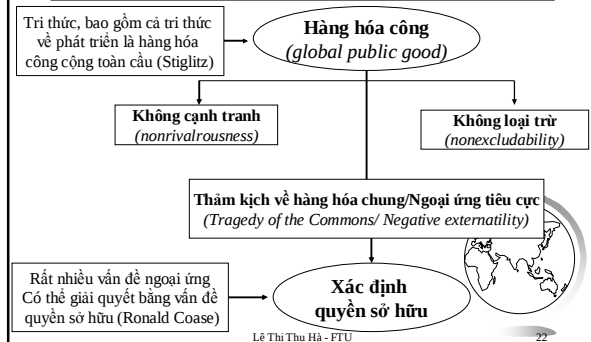
- Quyền sở hữu trí tuệ cũng giống như bất kỳ quyền sở hữu khác, cho phép tác giả hoặc chủ sở hữu đối tượng SHTT được hưởng lợi kết quả hoạt động sáng tạo hoặc hoặc đầu tư của mình
  - Những quyền này được quy định tại Điều 27 của Tuyên ngôn Nhân quyền, cho phép các cá nhân bảo vệ quyền và lợi ích đối với các thành quả sáng tạo từ các hoạt động trong lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật
  - 27.2. Everyone has the right to the protection of the moral and material interests resulting from any scientific, literary or artistic production of which he is the author (Universal Declaration of Human rights)
- Lê Thị Thu Hà - FTU 20

## Sự cần thiết /Rationale of IPR

- ☞ Các quyền sở hữu trí tuệ thưởng sáng tạo và nỗ lực của con người, đó là động cơ của tiến bộ nhân loại
- ☞ The intellectual property rights reward creativity and human endeavor, which fuel the progress of humankind

- ☞ Work can be written without the incentive of such exclusive rights. More important works can be created before copyright was invented: wikipedia, freesoftware...
- Lê Thị Thu Hà - FTU 21

## Economic Rationale of IPR



## Economic rationale of IPR

- ☞ Tri thức (knowledge), bao gồm cả tri thức về phát triển là hàng hóa công cộng toàn cầu (global public good) Knowledge has public good characteristics:
  - ☞ **Không cạnh tranh (nonrivalrousness):** you can use what I use: one person's use of it does not diminish another's use
  - ☞ **Không loại trừ (nonexcludability):** costly to exclude other from consuming a good
- Lê Thị Thu Hà - FTU 23

## Economic rationale of IPR

- ☞ **Non-rivalrous:**
    - Non optimal rationing problem
    - Effect: over consumption of Innovation (no incentive for future innovation and competition)
  - ☞ **Non-excludable:**
    - Non-appropriability
    - Costly to produce but cheaper to copy it
    - Free-riding problems (+costly protection of innovation)
    - Effect: undersupply of innovation (due to no incentives)
  - ☞ **Thảm kịch về hàng hóa chung/Ngoại ứng tiêu cực (Tragedy of the Commons/ Negative externality)**
- Lê Thị Thu Hà - FTU 24

**Economic rationale of IPR**

Central problem:  
Incentives and access

☞ **Incentives:**

- Protection of current innovation to promote future innovation
- Ensure economic returns on investment in innovation

☞ **Assess**

- Encourage future innovation by competition
- Promote greater competition
- Enhance consumer welfare

Society's welfare

Lê Thị Thu Hà - FTU
25

**Balancing incentives v access is challenge**

☞ **If protection of innovation is greater than access: welfare loss, social cost**

- No future Innovation by competition
- Monopoly prices, No greater competition
- Lower consumer welfare

☞ **If protection of access is greater than protection of innovation : welfare loss, social cost :**

- No incentive for current and future innovation
- Free-riding by competitor: high cost of producing innovation v low cost of copying it
- Misallocation of resource
- No incentive for competitors and consumer to innovate

☞ **Welfare loss: no innovation, no consumer welfare, no economic growth**

Lê Thị Thu Hà - FTU
26

**Balancing incentives v access is challenge**

☞ **Dilemma (tiền thoái lưỡng nan):**

- Optimal utilization of information available to all vs No incentive for investment in creativity and innovation
- Incentive to produce information/creativity Vs Expand the use of information and its welfare impact on society

Lê Thị Thu Hà - FTU
27

**Solution for striking a Balance between Incentives v access**

☞ How can we mitigate the problems of non-excludability and non-rivalry consumption inherent in innovation information ?

☞ In so doing, is it possible to reach a balance between access v incentive

☞ Market self regulation or legal intervention ?

Lê Thị Thu Hà - FTU
28

**Solution for striking a Balance between Incentives v access**

- State supply of information**
  - Public provision of innovation (eg: research government agency)
- Public subsidies for private production of information**
  - Publicity-funded private provision of innovation (eg: university research centers)

Lê Thị Thu Hà - FTU
29

**Solution for striking a Balance between Incentives v access**

- Market competition and inter-firm collaboration**
  - exploitation of market lead times
  - increase the difficulty in copying or imitation particular technologies
  - use of complementary manufacturing capabilities
  - collaborative strategies (compatibility and network effects)
- Trade secret agreement**
- IPR**
  - Private provision of innovation and valuable information by creating incentives on the basis of exclusive rights over IP

Lê Thị Thu Hà - FTU
30

## Are IPR the best remedy ?

- ☞ In principle, society would provide support that is just sufficient to induce the introduction of all innovations for which optimal ex-post consumer surplus exceeds R&D costs
- ☞ Because IPR are incapable of operating so precisely, they are second-best remedies for underlying market distortions. Protection may be too weak, resulting in forgone innovation, or too strong, generating surplus transfer to inventors and sacrificing available benefits from consumer access
- ☞ A poorly struck bargain could slow economic growth to the extent that access to protected technologies is required to induce incremental
- ☞ **Legal control over reproduction creates incentive for innovation while facilitating limited public access**

Lê Thị Thu Hà - FTU

31

## Rationale of Patent



- ☞ Through time-bound exclusivity, creators of knowledge can charge prices above marginal costs and thereby recoup initial investment in generating information (Nhờ cơ chế độc quyền, người tạo ra thông tin (tri thức) có thể bán với giá trên chi phí cận biên và do đó thu lại đầu tư ban đầu để tạo thông tin).
- ☞ Second-best: because static market distortion Có thể dẫn đến sự bóp méo thị trường
- ☞ But: decision-making decentralized and driven by profit motive. Government can, in principle, fix the length of protection, such as to maximize social benefits and minimize social costs (Nhưng về nguyên tắc, chính phủ có thể xác định thời hạn bảo hộ, VD để tối đa hóa lợi ích xã hội và giảm thiểu chi phí xã hội)
- ☞ Additional benefit: disclosure of inventions Lợi ích khác:披露 sáng chế

**Kenneth Arrow - Giải Nobel 1972 về kinh tế**

## Rationale of Patent

- ☞ Lack of information on parameters needed to optimize scope of protection (Thiếu thông tin về thông số cần thiết để tối ưu hóa phạm vi bảo hộ)
- ☞ Optimal scope of protection differs across economic sectors, depending on the availability of other means to appropriate knowledge-generating activities (e.g., technology, first mover advantage, etc.) Tối ưu hóa phạm vi bảo hộ ở mỗi lĩnh vực kinh tế khác nhau, phụ thuộc vào tính sẵn có của các phương tiện khác nhau để thích hợp cho các hoạt động tạo ra tri thức
- ☞ Patents and the diffusion of knowledge (Bằng sáng chế và phổ biến tri thức)
  - Restrict imitation (Hạn chế việc làm giả)
  - Disclosure of knowledge: tool for licensing (Bộc lộ thông tin, cơ sở cho chuyển giao quyền (licensing))

Lê Thị Thu Hà - FTU

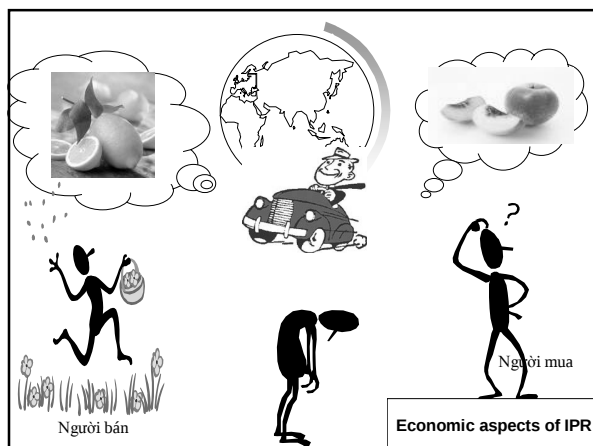
33

## Rationale of trademark



- ☞ Markets may fail if there is asymmetric information between buyers and sellers of goods
  - Example: markets for used cars (lemons)
- ☞ Trademarks assure consumers that they purchase what they intend to purchase
- ☞ Trademarks thus offer an incentive to invest in reputation and superior quality
- ☞ First-best: trademark protection can co-exist with competitive markets; protection is not time-bound
- ☞ Lợi ích: bảo hộ nhãn hiệu có thể cùng tồn tại với cạnh tranh thị trường, bảo hộ không thời hạn

**George Akerlof - Giải Nobel Kinh tế năm 2001**



## Special case: tình trạng hàng hóa

- ☞ Tình trạng hàng hoá mang lại uy tín cho chủ sở hữu
- ☞ Sở hữu nhãn hiệu uy tín (thương hiệu) có thể mang lại cho người sản xuất quyền lực thị trường đáng kể
- ☞ Thường thì không có thông tin bất đối xứng: người mua thường phân biệt được hàng hóa họ mua là thật hay không

Lê Thị Thu Hà - FTU

**Economic aspects of IPR**

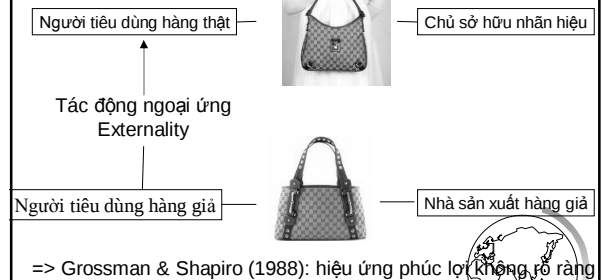
### Special case

- ☞ Status goods confer prestige on their owners (apart from any utility derived from their function and physical characteristic) Tình trạng hàng hoá mang lại uy tín cho chủ sở hữu
- ☞ Brand ownership can confer substantial market power to producers (Sở hữu nhãn hiệu uy tín (thương hiệu) có thể mang lại cho người sản xuất quyền lực thị trường đáng kể)
- ☞ Often no information asymmetry: buyers of fake know their purchase isn't genuine (Thường thì không có thông tin bất đối xứng: người mua thường phân biệt được hàng hóa họ mua là thật hay không)

Lê Thị Thu Hà - FTU

37

### Welfare considerations / Xem xét phúc lợi xã hội



Lê Thị Thu Hà - FTU

38

### Case study: GI extension?

- ☞ TRIPS Agreement allows for "higher" level of protection for GIs related to wines and spirits: Hiệp định TRIPS Agreement cho phép mức độ bảo hộ cao hơn đối với GIs cho rượu vang và rượu mạnh:
  - Prevent use by nonoriginal producers of a GI, even where the true origin of a good is made clear or use of the GI is accompanied by expressions such as "kind", "style", or "type". Chống lại bất kỳ việc sử dụng các chỉ dẫn không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó, kể cả trường hợp có nêu chỉ dẫn về nguồn gốc xuất xứ thật của hàng hoá hoặc chỉ dẫn địa lý được sử dụng dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm hoặc được sử dụng kèm theo các từ loại, kiểu, dạng, phong theo hoặc những từ tương đương như vậy.
- ☞ "Discussion issue" in current multilateral trading round: should this higher level of protection be extended to products other than wines and spirits? Which economic theory applies?

Lê Thị Thu Hà - FTU

39

### Case study: GI extension?

- ☞ Lý thuyết thông tin bất cân xứng ?
- ☞ Mô hình Shapiro về danh tiếng ?

Lê Thị Thu Hà - FTU

40

### 1.3. Lịch sử phát triển

Sự ra đời của máy in 1440  
Johannes Gutenberg

Máy hơi nước của  
James Watts

**Đạo luật Venice 1474**

Quy chế của nữ hoàng  
Anne 1709 về bản quyền

Quy chế Elizabeth 1  
về sáng chế 1640

Điện thoại  
A Bell  
(AT&T)

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP CUỐI THẾ KỶ XVIII  
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP Ở QUY MÔ LỚN

Bóng đèn  
Edison  
(GE)

CÔNG ƯỚC PARIS  
1883

CÔNG ƯỚC  
BERNE 1886

Săm lốp  
Goodyear

Lê Thị Thu Hà - FTU

41

### 1.4. Vai trò / Role of IPR

Tác động tích cực

Tác động tiêu cực

- Thúc đẩy hoạt động sáng tạo
- Ghi nhận quyền đối với người sáng tạo
- Tạo nguồn thông tin quan trọng
- Phát triển văn hoá, thương mại
- Là công cụ quan trọng trong chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế của các quốc gia

- Khả năng tiếp cận với nguồn thông tin bị hạn chế
- Giá hàng hóa cao
- Lạm dụng dẫn đến độc quyền
- Bóp méo thương mại
- Tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia

Lê Thị Thu Hà - FTU

42

## Vai trò / Role of IPR

Kinh tế coi SHTT là khả năng cạnh tranh.  
Nhà khoa học coi SHTT là sức sáng tạo.  
Xã hội coi SHTT là sức sống.  
Cạnh tranh trong thế giới hôm nay và  
tương lai là cạnh tranh về quyền SHTT  
(Thủ tướng Ôn Gia Bảo)



Lê Thị Thu Hà - FTU

## 1.5. Hệ thống pháp luật SHTT

- Hiệp ước quốc tế của WIPO: 24
- Hiệp ước quốc tế của WTO: TRIPS
- Các hiệp định song phương và khu vực về SHTT
- Luật quốc gia:
  - Civil law
  - Common law



Lê Thị Thu Hà - FTU

44

### IP Protection

- Berne Convention
- Brussels Convention
- Madrid Agreement (Indications of Source)
- Nairobi Treaty
- Paris Convention
- Patent Law Treaty
- Phonograms Convention
- Rome Convention
- Singapore Treaty on the Law of Trademarks
- Trademark Law Treaty
- Washington Treaty
- WCT
- WPPT

### Global Protection System

- Budapest Treaty
- Hague Agreement
- Lisbon Agreement
- Madrid Agreement (Marks)
- Madrid Protocol
- PCT

### Classification

- Locarno Agreement
- Nice Agreement
- Strasbourg



Lê Thị Thu Hà - FTU

45

## Công ước quốc tế về SHTT

- Công ước thành lập WIPO
- Công ước Berne về bảo vệ các tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học (2004)
- Công ước Rome về bảo vệ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, các chương trình phát sóng (1/3/2007)
- Công ước Genève về bảo hộ người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm (6/7/2005)
- Công ước Brussel liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (12/1/2006)
- Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả
- Hiệp ước của WIPO về biểu diễn và bản ghi âm



Lê Thị Thu Hà - FTU

46

## Công ước quốc tế về SHTT

- Công ước Paris 1883 về bảo hộ quyền SHCN
- Thỏa ước và Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu
- Hiệp ước hợp tác sáng chế (PCT)
- và Hiệp ước về bảo hộ quyền SHTT đối với mạch tích hợp
- Công ước UPOV về bảo hộ giống cây trồng



Lê Thị Thu Hà - FTU

47

## Công ước Paris

- Các đối tượng sở hữu công nghiệp
- Sáng chế, mẫu hữu ích
- Nhãn hiệu
- Kiểu dáng công nghiệp
- Tên thương mại, chỉ dẫn địa lý (chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ)
- Chống cạnh tranh không lành mạnh.



Lê Thị Thu Hà - FTU

48

### Nội dung Công ước Paris

- ☞ Nguyên tắc đối xử quốc gia
- ☞ Quyền ưu tiên
- ☞ Một số nguyên tắc chung đối với hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà các nước thành viên phải tuân thủ
- ☞ Các quy định về hành chính phục vụ cho việc thi hành Công ước.



Lê Thị Thu Hà - FTU

49

### Nguyên tắc đối xử quốc gia

- ☞ Mỗi nước thành viên phải dành cho công dân của các nước thành viên khác sự bảo hộ tương tự như sự bảo hộ dành cho công dân của mình.
- ☞ Dành cho công dân của những nước không phải là thành viên nếu họ **cư trú** hoặc nếu họ **có cơ sở kinh doanh** tại một nước thành viên



Lê Thị Thu Hà - FTU

50

### Quyền ưu tiên

- ☞ Đối với sáng chế, mẫu hữu ích, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp:
- ☞ Trên cơ sở một đơn hợp lệ đầu tiên đã được nộp tại một trong số các nước thành viên, trong thời hạn **12 tháng đối với sáng chế và mẫu hữu ích, 6 tháng đối với nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp**
- ☞ - Người nộp đơn có thể nộp đơn yêu cầu bảo hộ tại bất cứ nước thành viên nào khác và các đơn nộp sau sẽ được coi như đã được nộp vào **cùng ngày** với ngày nộp đơn đầu tiên
- ☞ - Việc rút hoặc từ chối đơn đầu tiên không làm mất khả năng được hưởng quyền ưu tiên của người nộp đơn.



Lê Thị Thu Hà - FTU

51

### Nguyên tắc bảo hộ độc lập

- ☞ Một nước thành viên cấp văn bằng bảo hộ cho một đối tượng thì không bắt buộc các nước thành viên khác cũng phải cấp VBBH cho chính đối tượng đó
- ☞ Không thể từ chối cấp, hủy bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực một VBBH ở bất cứ nước thành viên nào với lý do VBBH đối tượng đó bị từ chối cấp, đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực ở bất cứ một nước thành viên khác.



Lê Thị Thu Hà - FTU

52

### Công ước Berne

- ☞ Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật
- ☞ Gồm 38 điều
- ☞ Phụ lục 6 điều dành cho các nước đang phát triển
- ☞ Ký tại Berne ngày 9.9.1886
- ☞ Đã sửa nhiều lần
- ☞ Mọi quốc gia có thể trở thành thành viên
- ☞ Việt Nam là thành viên từ 2004



Lê Thị Thu Hà - FTU

53

### Nguyên tắc đối xử quốc gia

- ☞ Bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ quốc gia thành viên tương tự như bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc



Lê Thị Thu Hà - FTU

54

## Nguyên tắc bảo hộ tự động

- Quyền tác giả được phát sinh ngay khi tác phẩm được định hình dưới hình thức vật chất nhất định
- Không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào như: đăng ký, nộp lưu chiểu... (kể cả việc công bố tác phẩm, tuy nhiên loại trừ trường hợp tác giả không là công dân của QG thành viên)



Lê Thị Thu Hà - FTU

55

## Thỏa ước và Nghị định thư Madrid

**Hệ thống Madrid**  
(78 thành viên)

Thỏa ước Madrid  
(65 thành viên)

Nghị định thư Madrid  
(68 thành viên)

- Hiện có 78 quốc gia thành viên,
- Việt Nam tham gia Thỏa ước từ 08.3.1949 và Nghị định thư từ 2007

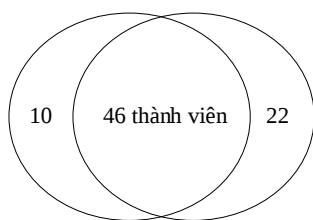


Lê Thị Thu Hà - FTU

56

## Thỏa ước và Nghị định thư Madrid

Thỏa ước



Nghị định thư

Mỹ, Anh,  
Nhật, Úc  
EU, Hàn  
quốc,  
Estonia,  
Phân Tập  
Đan Mạch



Lê Thị Thu Hà - FTU

57

## Nội dung cơ bản

- Chủ sở hữu nhãn hiệu của một quốc gia thành viên có thể yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu của mình ở một hoặc tất cả các quốc gia thành viên khác
- Với 01 đơn đăng ký duy nhất để thực hiện đăng ký riêng biệt tại các nước thành viên
- Cho WIPO thông qua cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia
- Không tạo nên một đăng ký duy nhất có hiệu lực đối với tất cả các nước thành viên



Lê Thị Thu Hà - FTU

58

## Thỏa ước và Nghị định thư

|                    | Thỏa ước                             | Nghị định thư                                           |
|--------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Cơ sở              | Đã đăng ký tại nước xuất xứ          | Chỉ cần đã nộp đơn tại nước xuất xứ                     |
| Ngôn ngữ           | Pháp                                 | Anh hoặc Pháp                                           |
| Thời gian trả lời  | 12 tháng                             | 18 tháng                                                |
| Lệ phí             | Theo quy định chung quốc tế          | Theo quy định mỗi nước                                  |
| Đăng ký gốc mất HL | Đăng ký quốc tế tự động mất hiệu lực | Chuyển thành đơn nộp quốc gia được ưu tiên ngay ưu tiên |
| Thời hạn BH        | 20 năm, có thể gia hạn tiếp          | 10 năm, có thể gia hạn tiếp                             |



Lê Thị Thu Hà - FTU

59

## Ưu điểm của hệ thống Madrid

- Tiết kiệm chi phí (lệ phí cơ bản 653FrS (nhân đen trắng) và 903FrS (nhân màu); lệ phí chỉ định mỗi nước 73FrS)
- Thủ tục đơn giản
- Ngôn ngữ thống nhất
- Ngày đăng ký thống nhất ở tất cả các quốc gia chỉ định
- Không cần dịch vụ đại diện SHTT



Lê Thị Thu Hà - FTU

60

## Bảo hộ nhãn hiệu tại quốc gia chỉ định

- Trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận được Thông báo của Văn phòng quốc tế, cơ quan SHCN quốc gia chỉ định phải xét nghiệm nội dung
- Ra kết luận: về khả năng bảo hộ
- Nếu không bảo hộ hoặc từ chối từng phần thì phải thông báo cho người nộp đơn **thông qua** văn phòng quốc tế
- Nếu hết thời hạn quy định mà không có thông báo thì nhãn hiệu **mặc nhiên** được bảo hộ tại quốc gia đó



Lê Thị Thu Hà - FTU

61

## Thời hạn bảo hộ

- Hiệu lực: 10 năm
- Gia hạn liên tục cho mỗi 10 năm tiếp theo
- Trong vòng 6 tháng trước ngày đăng ký hết hiệu lực, chủ sở hữu phải nộp đơn xin gia hạn thông qua Cục SHTT



Lê Thị Thu Hà - FTU

62

## Patent Cooperation Treaty

- PCT ra đời nhằm khắc phục những nhược điểm của hệ thống sáng chế quốc gia
- Hiệp ước Hợp tác Patent hay còn gọi là "PCT" có hiệu lực từ ngày 24 tháng 1 năm 1978 và đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 6 năm 1978 với 18 nước thành viên ban đầu
- PCT là một thỏa thuận đặc biệt theo Công ước Paris, chỉ cho phép các quốc gia là thành viên của Công ước Paris tham gia.



Lê Thị Thu Hà - FTU

63

## Đăng ký sáng chế theo PCT

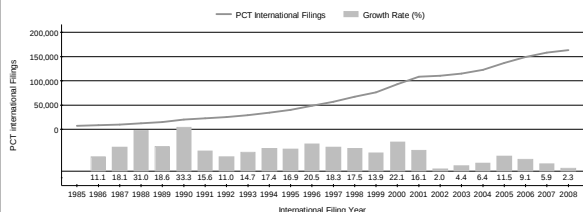
- Tiết kiệm chi phí
- Thủ tục đơn giản: 1 đơn đăng ký nhiều nước
- Đơn được làm bằng ngôn ngữ của nước nhận đơn hoặc ngôn ngữ mà nước đó chấp nhận (phải ghi rõ yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên theo PC)
- Không được nộp đơn trực tiếp cho cơ quan quốc gia về patent của nước sở tại
- Thông qua đại diện SHCN tại nước sở tại
- Quyền ưu tiên là 12 tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận hợp lệ



Lê Thị Thu Hà - FTU

64

## Use of WIPO's PCT system



Lê Thị Thu Hà - FTU

65

## Hiệp định TRIPS

- Tại vòng đàm phán Uruguay của Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT) sáng lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- Ký kết Hiệp định thương mại về Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS) năm 1994.



Lê Thị Thu Hà - FTU

66

## Hiệp định TRIPS

- ☛ Hiệp định duy nhất thực sự mang tính quốc tế đã đưa ra các chuẩn mực tối thiểu về bảo hộ SHTT
- ☛ Hiệp định đầu tiên về SHTT có những quy định cụ thể về trách nhiệm dân sự, hình sự và bảo vệ biên giới;
- ☛ Hiệp định quốc tế đầu tiên về SHTT được áp dụng để giải quyết tranh chấp.
- ☛ Là hiệp ước đa phương mang tính bắt buộc của WTO



Lê Thị Thu Hà - FTU

67

## Nguyên tắc áp dụng

- ☛ Quy chế đối xử quốc gia
- ☛ Quy chế tối huệ quốc



Lê Thị Thu Hà - FTU

68

## Những hạn chế và ngoại lệ

- ☛ TRIPS nêu cụ thể những hạn chế và ngoại lệ có thể chấp nhận nhằm hài hòa lợi ích sở hữu trí tuệ với lợi ích trong những lĩnh vực khác
- ☛ Ví dụ như sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế.



Lê Thị Thu Hà - FTU

69

## Thời điểm thực thi

- Các nước phát triển: 1/1/1996.
- Các quốc gia đang phát triển và những thành viên đang trong thời kỳ quá độ sang kinh tế thị trường được phép lùi ngày thực hiện đến 1/1/2000.
- Các nước kém phát triển: 1/1/2006, và có khả năng được kéo dài thời hạn nếu có yêu cầu.
- Các quốc gia kém phát triển được gia hạn thêm 10 năm để thực thi các quy định về bảo hộ “sáng chế” và “bí mật thương mại” đối với dược phẩm. (Tuyên bố Doha 2001)



Lê Thị Thu Hà - FTU

70

## Các hiệp định khu vực về SHTT

- ☛ Hiệp định khung ASEAN về SHTT (ASEAN framework Agreement on IP)
- ☛ Tổ chức SHTT Châu Phi (Africa IPO)



Lê Thị Thu Hà - FTU

71



## PHÁP LUẬT QUỐC GIA VỀ SHTT

### HIẾN PHÁP 1992

Cong nhận cả quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa, sáng xuất, sáng tác, phát minh văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, nghệ thuật, văn hóa, xã hội, quyền sở hữu công nghiệp. (A60)

### BỘ LUẬT DÂN SỰ 2005

PHẦN 6: QUYỀN SHTT VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ  
(Chương 34, 35 và 36)

PHẦN 7: QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

### LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2005

6 PHẦN, 18 CHƯƠNG, 222 ĐIỀU

Các nghị định của Chính phủ

Thông tư của Bộ, quy định của UBND tỉnh, thành phố

Lê Thị Thu Hà - FTU

72

## Nguyên tắc áp dụng

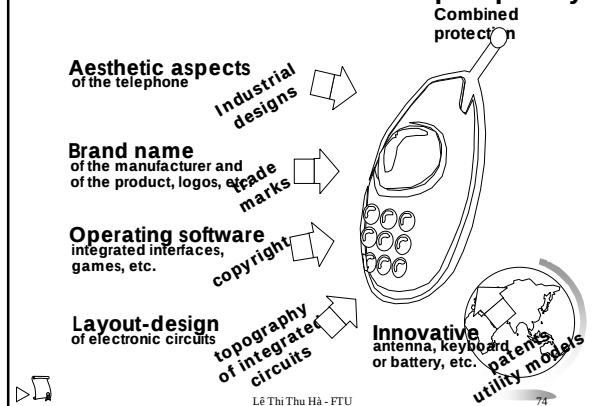
1. Trong trường hợp có những vấn đề dân sự liên quan đến sở hữu trí tuệ không được quy định trong Luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự.
2. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về sở hữu trí tuệ của Luật này với quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này.
3. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

(Điều 5, Luật SHTT)

Lê Thị Thu Hà - FTU

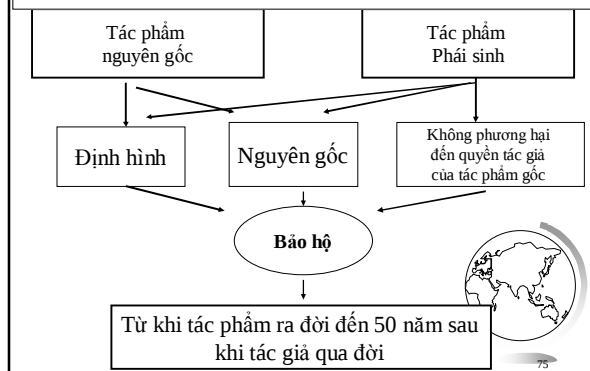
73

## Intellectual property



74

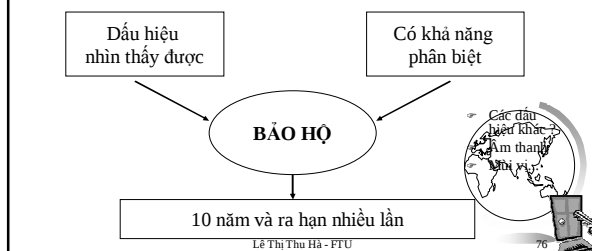
## Quyền tác giả và quyền liên quan



75

## Nhãn hiệu

là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau

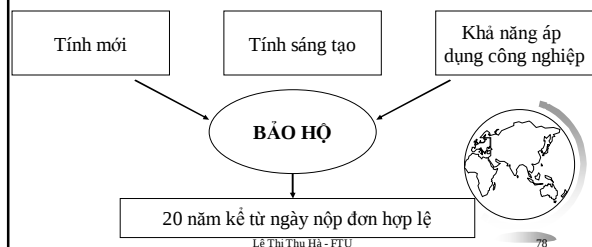


76



## Sáng chế

là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên



78

### Sáng chế dưới dạng quy trình

**Tên sáng chế:** Quy trình điều chế hợp chất PYRAZOLO [4,3-D] PYRIMIDIN-7-ON và các hợp chất trung gian của chúng

**Người nộp đơn:** Công ty PFIZER R&D (BE)

**Nội dung:** Quy trình điều chế hợp chất có công thức (IA) (Sildenafil/Viagra) và (IB) bao gồm các bước cho hợp chất có công thức (IIA) và (IIB) tương ứng phản ứng với sự có mặt của nhóm OR, trong đó R trong trường hợp tạo thành hợp chất (IA) là  $\text{CH}_2\text{CH}_3$  và R trong trường hợp tạo thành hợp chất (IB) là  $\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}_3$ , X là nhóm rời chuyên



Lê Thị Thu Hà - FTU

79

### Kiểu dáng công nghiệp

là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó

Tính mới

Tính sáng tạo

Khả năng áp dụng công nghiệp



**BẢO HỘ**

5 năm kể từ ngày nộp đơn hợp lệ  
Gia hạn 2 lần, mỗi lần 5 năm



80

### Chỉ dẫn địa lý

Là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia nhất định với điều kiện hàng hóa mang IG phải có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý nơi đó quyết định

Nguồn gốc xuất xứ sản phẩm

Khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ, quốc gia

Sản phẩm có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu



**BẢO HỘ**

Đến khi các điều kiện bảo hộ còn đáp ứng



81

### Chỉ dẫn địa lý

**Tên địa lý**







**Hình ảnh, biểu tượng**








82

### Champagne








Lê Thị Thu Hà - FTU

83

### Thiết kế bố trí mạch tích hợp

Là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và các mối liên kết của chúng trong mạch tích hợp bán dẫn

Tính nguyên gốc

Tính thương mại

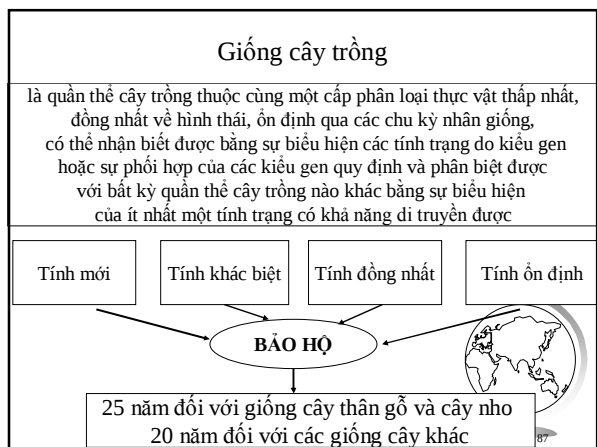
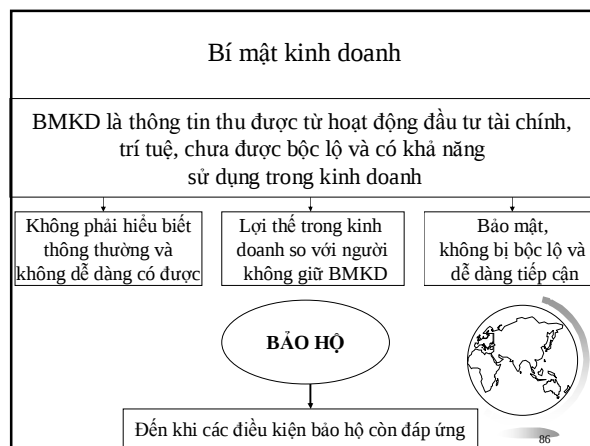
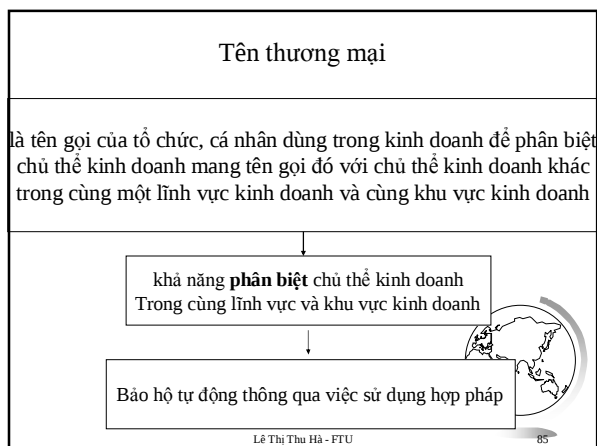


**BẢO HỘ**

10 năm kể từ ngày nộp đơn hoặc 15 năm kể từ ngày tạo ra TKBT



84



## Cảm ơn sự quan tâm theo dõi !



Email: [ha.le@ftu.edu.vn](mailto:ha.le@ftu.edu.vn)  
Tel: 0912211178



Lê Thị Thu Hà - FTU 88